

**Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



## Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến

(trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến  
(trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến)

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30



# Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến

(trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến) ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 451/CNn/TCLĐ do Bộ Công nghiệp cấp ngày 7 tháng 5 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 103022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 1994.

Ngày 23 tháng 10 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 624/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103002999 ngày 28 tháng 12 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") theo Giấy phép số 140/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất bao bì nhựa dùng cho thực phẩm và hàng tiêu dùng và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô II, Cụm 4, Đường số 13, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Jang Sung Hak	Chủ tịch	
Ông Kim Sung Kon	Thành viên	
Ông Song Jongsun	Thành viên	
Ông Lee Jeongki	Thành viên	
Ông Min Seung Hong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Koo Jae Young	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Nhân	Trưởng ban
Ông Won Jonghun	Thành viên
Ông Cho Hyonwoo	Thành viên

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Min Seung Hong	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
Ông Koo Jae Young	từ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Min Seung Hong	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
Ông Koo Jae Young	từ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến

(trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến)

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Min Seung Hong  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11759379-66926365/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến) (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.229.221.728.715</b>	<b>1.192.879.575.580</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>4.152.488.859</b>	<b>42.865.603.838</b>
111	1. Tiền		4.152.488.859	42.865.603.838
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>677.576.000.000</b>	<b>449.320.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	677.576.000.000	449.320.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>314.982.384.194</b>	<b>402.901.024.683</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	265.451.957.840	366.661.416.194
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.786.593.361	591.452.103
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	47.339.892.278	40.413.302.457
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(596.059.285)	(4.765.146.071)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>224.540.227.302</b>	<b>288.610.415.514</b>
141	1. Hàng tồn kho		227.118.719.563	291.479.782.052
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.578.492.261)	(2.869.366.538)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.970.628.360</b>	<b>9.182.531.545</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.476.208.658	1.849.714.732
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	6.490.058.173	7.328.600.999
153	3. Thuế phải thu Nhà nước	15	4.361.529	4.215.814
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>272.218.747.995</b>	<b>294.456.205.269</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>160.893.010.795</b>	<b>183.273.039.577</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	141.100.148.985	162.948.739.103
222	Nguyên giá		959.973.668.662	957.807.058.474
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(818.873.519.677)	(794.858.319.371)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	19.792.861.810	20.324.300.474
228	Nguyên giá		37.155.697.162	37.155.697.162
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.362.835.352)	(16.831.396.688)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>95.867.616.168</b>	<b>95.867.616.168</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	95.867.616.168	95.867.616.168
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.448.121.032</b>	<b>15.305.549.524</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.295.135.897	6.147.326.642
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26.3	10.152.985.135	9.158.222.882
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.501.440.476.710</b>	<b>1.487.335.780.849</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>452.152.084.474</b>	<b>484.224.676.893</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>446.421.445.474</b>	<b>477.951.475.893</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	182.275.331.860	205.555.684.265
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		331.036.827	366.594.711
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	10.582.056.514	18.174.927.615
314	4. Phải trả người lao động		19.151.064.307	24.078.918.544
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.022.195.777	2.479.629.581
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	227.059.760.189	227.295.721.177
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.730.639.000</b>	<b>6.273.201.000</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	18	5.730.639.000	6.273.201.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.049.288.392.236</b>	<b>1.003.111.103.956</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19.1</b>	<b>1.049.288.392.236</b>	<b>1.003.111.103.956</b>
411	1. Vốn cổ phần		149.999.980.000	149.999.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.999.980.000	149.999.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		154.777.960.000	154.777.960.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(45.918.033.800)	(45.918.033.800)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		177.152.251.138	177.152.251.138
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		613.276.234.898	567.098.946.618
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		546.822.291.618	521.189.913.814
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ/năm này		66.453.943.280	45.909.032.804
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.501.440.476.710</b>	<b>1.487.335.780.849</b>

Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

Lee Jeongki  
Giám đốc Tài chính

Min Seung Hong  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	873.256.489.830	924.794.458.248
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(1.037.109.478)	(3.778.317.484)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	872.219.380.352	921.016.140.764
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(754.340.229.347)	(877.332.048.365)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		117.879.151.005	43.684.092.399
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	22.470.386.239	11.895.847.673
22	7. Chi phí tài chính	23	(6.714.461.514)	(3.895.554.122)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		-	(374.292.082)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(25.844.720.752)	(23.853.471.355)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(21.182.412.122)	(19.728.054.625)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.607.942.856	8.102.859.970
31	11. Thu nhập khác	24	154.545.454	8.209.090.909
32	12. Chi phí khác	24	(2.674.627.287)	(1.645.821.194)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	24	(2.520.081.833)	6.563.269.715
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		84.087.861.023	14.666.129.685
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(18.628.679.996)	(4.116.684.921)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	994.762.253	871.485.425
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		66.453.943.280	11.420.930.189
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.3	4.916	845
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.3	4.916	845

Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

Lee Jeongki  
Giám đốc Tài chính

Min Seung Hong  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>84.087.861.023</b>	<b>14.666.129.685</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	25.094.566.370	30.577.112.672
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(1.717.945.568)	508.390.302
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(171.467.194)	(590.640.840)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(20.552.997.799)	(18.411.349.763)
06	Chi phí lãi vay	23	-	374.292.082
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>86.740.016.832</b>	<b>27.123.934.138</b>
09	Giảm các khoản phải thu		99.943.066.796	24.615.095.098
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		64.361.062.489	(4.001.125.557)
11	Giảm các khoản phải trả		(28.502.828.355)	(75.847.106.223)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.225.696.819	(2.451.078.045)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(366.589.784)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.730.965.441)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>202.036.049.140</b>	<b>(30.926.870.373)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.824.011.110)	(6.185.073.745)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		154.545.454	8.209.090.909
23	Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(497.576.000.000)	(239.320.000.000)
24	Thu tiền gửi ngân hàng		269.320.000.000	241.400.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		12.394.544.183	15.221.581.047
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(220.530.921.473)</b>	<b>19.325.598.211</b>




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được		-	136.027.905.290
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(115.356.295.529)
36	Cổ tức đã trả	19.4	(20.270.965.500)	(20.270.965.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(20.270.965.500)	400.644.261
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(38.765.837.833)	(11.200.627.901)
60	Tiền đầu kỳ		42.865.603.838	35.022.656.039
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		52.722.854	2.114.801
70	Tiền cuối kỳ	4	4.152.488.859	23.824.142.939

  
Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

  
Lee Jeongki  
Giám đốc Tài chính

  
Min Seung Hong  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến) (“Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 451/CNn/TCLD do Bộ Công nghiệp cấp ngày 7 tháng 5 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 103022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 1994.

Ngày 23 tháng 10 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 624/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103002999 ngày 28 tháng 12 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Giấy phép số 140/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất bao bì nhựa dùng cho thực phẩm, hàng tiêu dùng và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô II, Cụm 4, Đường số 13, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 765 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 791).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu                                    | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.        |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá gốc thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền. |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất	43 - 46 năm
Tài sản khác	4 năm

#### 3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.7 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đó theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	215.232.418	273.718.678
Tiền gửi ngân hàng	3.937.256.441	42.591.885.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.152.488.859</b>	<b>42.865.603.838</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất dao động từ 5,8% đến 8,8%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ bên khác	265.225.240.054	362.613.471.274
<i>Công ty TNHH Thực phẩm Pepsico Việt Nam</i>	35.084.126.346	47.168.972.027
<i>Sunrise Globle Company Limited</i>	28.881.931.962	37.715.830.164
<i>Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam</i>	19.628.920.333	42.502.912.250
<i>Công ty TNHH Nestlé Việt Nam</i>	16.519.385.434	20.397.906.237
<i>Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn</i>	13.878.533.108	51.984.239.390
<i>Các khách hàng khác</i>	151.232.342.871	162.843.611.206
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	226.717.786	4.047.944.920
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>265.451.957.840</b>	<b>366.661.416.194</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(596.059.285)	(4.765.146.071)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>264.855.898.555</b>	<b>361.896.270.123</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	4.765.146.071	7.132.415.553
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	77.455.860	306.450.667
Trừ: Sử dụng dự phòng trong kỳ	(3.284.577.495)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(961.965.151)	(397.634.894)
Số cuối kỳ	596.059.285	7.041.231.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Apis Tech	774.400.000	-
Công ty TNHH Vecomtech	615.459.075	-
Công ty TNHH MTV Thương mại		
Dịch vụ Bkitech	308.976.800	-
Khác	1.087.757.486	591.452.103
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.786.593.361</u></b>	<b><u>591.452.103</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ký quỹ thực hiện dự án (i)	25.224.132.225	25.224.132.225
Lãi tiền gửi	21.495.541.040	13.491.632.878
Khác	620.219.013	1.697.537.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.339.892.278</u></b>	<b><u>40.413.302.457</u></b>

(i) Số tiền thể hiện khoản ký quỹ đã nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc khởi công dự án Trung tâm thương mại Exim Plaza.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguyên liệu, vật liệu	125.258.907.616	178.120.652.497
Thành phẩm	48.655.191.852	73.013.328.565
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.805.270.378	26.551.893.082
Hàng đang đi trên đường	18.399.349.717	13.793.907.908
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>227.118.719.563</u></b>	<b><u>291.479.782.052</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(2.578.492.261)</u>	<u>(2.869.366.538)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>224.540.227.302</u></b>	<b><u>288.610.415.514</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	2.869.366.538	4.055.389.613
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.452.995.856	902.833.818
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(1.743.870.133)</u>	<u>(303.259.289)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.578.492.261</u>	<u>4.654.964.142</u>

## Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến

(trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến)

B09a-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	211.809.913.607	659.713.599.181	67.451.807.677	13.472.135.714	5.359.602.295	957.807.058.474
Mua mới	-	638.325.188	1.307.000.000	230.800.000	538.412.400	2.714.537.588
Thanh lý	-	-	(547.927.400)	-	-	(547.927.400)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	211.809.913.607	660.351.924.369	68.210.880.277	13.702.935.714	5.898.014.695	959.973.668.662
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	110.387.687.724	483.108.883.682	53.687.251.495	11.790.950.512	2.071.681.895	661.046.455.308
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	137.311.405.265	580.466.971.248	61.283.131.607	12.540.051.138	3.256.760.113	794.858.319.371
Khấu hao trong kỳ	2.373.605.459	20.442.938.841	1.072.417.686	240.741.821	433.423.899	24.563.127.706
Thanh lý	-	-	(547.927.400)	-	-	(547.927.400)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	139.685.010.724	600.909.910.089	61.807.621.893	12.780.792.959	3.690.184.012	818.873.519.677
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	74.498.508.342	79.246.627.933	6.168.676.070	932.084.576	2.102.842.182	162.948.739.103
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	72.124.902.883	59.442.014.280	6.403.258.384	922.142.755	2.207.830.683	141.100.148.985



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2023	31.394.484.385	5.761.212.777	37.155.697.162
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	4.356.025.551	4.719.837.000	9.075.862.551
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	11.528.857.237	5.302.539.451	16.831.396.688
Hao mòn trong kỳ	307.554.108	223.884.556	531.438.664
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.836.411.345	5.526.424.007	17.362.835.352
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	19.865.627.148	458.673.326	20.324.300.474
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	19.558.073.040	234.788.770	19.792.861.810

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí xây dựng của dự án Lũy Bán Bích (i)	95.867.616.168	95.867.616.168
<i>(i) Số dư này bao gồm chi phí xây dựng trên đất thuê hiện tại Số 96, Đường Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chi phí dự án bao gồm thuê đất và chi phí xây dựng sẽ được chuyển nhượng cho Công ty TNHH Ngôi Nhà Xanh sau khi hồ sơ pháp lý chuyển nhượng của dự án được hoàn tất (Thuyết minh số 17).</i>		

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	1.476.208.658	1.849.714.732
Bảo hiểm	444.927.200	59.000.000
Khác	434.879.658	1.304.638.932
	596.401.800	486.075.800
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	5.295.135.897	6.147.326.642
Khác	3.966.119.197	4.791.729.612
	1.329.016.700	1.355.597.030
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.771.344.555</b>	<b>7.997.041.374</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhựa Bao bì Kiến Đức	22.581.393.845	16.534.291.542
Công ty TNHH Sakata Inx Vietnam	18.102.951.020	21.370.973.525
Khác	141.590.986.995	167.650.419.198
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>182.275.331.860</b>	<b>205.555.684.265</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	181.832.813.492	205.049.326.270
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	442.518.368	506.357.995

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu/sử dụng trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT	7.328.600.999	76.142.119.142	(76.980.661.968)	6.490.058.173
Thuế nhập khẩu	4.214.434	135.117.704	(134.970.609)	4.361.529
Thuế bảo vệ môi trường	1.380	38.000	(39.380)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.332.816.813</b>	<b>76.277.274.846</b>	<b>(77.115.671.957)</b>	<b>6.494.419.702</b>
				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã sử dụng trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.193.501.288	18.628.679.996	(21.730.965.441)	10.091.215.843
Thuế thu nhập cá nhân	1.543.194.412	3.287.166.759	(4.339.520.500)	490.840.671
Khác	3.438.231.915	247.846.326	(3.686.078.241)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.174.927.615</b>	<b>22.163.693.081</b>	<b>(29.756.564.182)</b>	<b>10.582.056.514</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.297.364.281	1.597.458.491
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	2.113.424.834	13.410.818
Phí bồi thường	1.608.041.620	-
Chiết khấu thương mại	995.365.042	500.063.071
Khác	8.000.000	368.697.201
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.022.195.777</u></b>	<b><u>2.479.629.581</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi trả hộ chi phí triển khai dự án Lũy Bán Bích (iii)	104.087.538.012	104.087.538.012
Ký quỹ nhận được từ Công ty TNHH Ngôi Nhà Xanh (i)	96.652.597.842	96.652.597.842
Ký quỹ nhận được từ Công ty Cổ phần Phát triển Phúc Khang (ii)	25.272.320.114	25.272.320.114
Cổ tức phải trả	87.521.900	81.832.400
Khác	959.782.321	1.201.432.809
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>227.059.760.189</u></b>	<b><u>227.295.721.177</u></b>

- (i) Số tiền liên quan đến sự kiện vào ngày 20 tháng 8 năm 2015. Công ty và Công ty TNHH Ngôi Nhà Xanh đã ký kết hợp đồng với tổng giá trị là 115.165.164.000 VND cộng chi phí thanh toán cho các Hợp đồng Triển khai Dự án và tiền sử dụng đất lũy kế để chuyển nhượng dự án tại địa chỉ Số 96, Đường Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã nhận trước số tiền trên và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý của việc chuyển nhượng dự án này.
- (ii) Số tiền này liên quan đến sự kiện vào ngày 30 tháng 7 năm 2016. Công ty và Công ty Cổ phần Phát triển Phúc Khang đã ký kết hợp đồng hợp tác với giá trị là 26.796.000.000 VND cộng tiền sử dụng đất để chuyển nhượng dự án tại địa chỉ Số 38/24, Đường Phan Anh, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã nhận trước số tiền trên và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý chuyển nhượng dự án này.
- (iii) Số tiền thể hiện chi phí xây dựng được trả hộ bởi Công ty TNHH Ngôi Nhà Xanh liên quan đến dự án tại Số 96, Đường Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Số tiền này sẽ được cản trừ với giá trị chuyển nhượng của dự án này đã được đề cập trên.

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho nhân viên.

**Công ty Cổ phần Bao bì Tân Tiến B09a-DN**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	149.999.980.000	154.777.960.000	(45.918.033.800)	177.152.251.138	541.466.568.814	977.478.726.152
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	11.420.930.189	11.420.930.189
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(20.276.655.000)	(20.276.655.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	149.999.980.000	154.777.960.000	(45.918.033.800)	177.152.251.138	532.610.844.003	968.623.001.341
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	149.999.980.000	154.777.960.000	(45.918.033.800)	177.152.251.138	567.098.946.618	1.003.111.103.956
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	66.453.943.280	66.453.943.280
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(20.276.655.000)	(20.276.655.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	149.999.980.000	154.777.960.000	(45.918.033.800)	177.152.251.138	613.276.234.898	1.049.288.392.236



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	Số lượng	Số lượng
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.999.998	14.999.998
Cổ phiếu phổ thông	14.999.998	14.999.998
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.482.228	1.482.228
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	13.517.770	13.517.770

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VNĐ/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**19.3 Lãi trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	66.453.943.280	11.420.930.189
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	13.517.770	13.517.770
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)</b> (Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu)	<b>4.916</b>	<b>845</b>
<b>Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b>4.916</b>	<b>845</b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**19.4 Cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	VND	
Cổ tức công bố	20.276.655.000	20.276.655.000
Cổ tức chi trả bằng tiền	20.270.965.500	20.270.965.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>873.256.489.830</b>	<b>924.794.458.248</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	859.545.729.689	908.386.226.857
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	7.696.739.218	9.914.854.449
<i>Doanh thu gia công</i>	214.307.078	601.010.950
<i>Khác</i>	5.799.713.845	5.892.365.992
<b>Trừ:</b>	<b>(1.037.109.478)</b>	<b>(3.778.317.484)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.037.109.478)	(2.842.405.398)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(935.912.086)
	<u><b>872.219.380.352</b></u>	<u><b>921.016.140.764</b></u>
<b>DOANH THU THUẦN</b>		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	858.508.620.211	904.607.909.373
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	7.696.739.218	9.914.854.449
<i>Doanh thu gia công</i>	214.307.078	601.010.950
<i>Khác</i>	5.799.713.845	5.892.365.992

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	20.398.452.345	10.202.258.854
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.071.933.894	1.693.588.819
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>22.470.386.239</b></u>	<u><b>11.895.847.673</b></u>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn thành phẩm	745.075.089.252	867.057.054.379
Giá vốn hàng hóa	9.115.746.729	9.597.543.573
Giá vốn dịch vụ gia công	149.393.366	561.762.903
Giá vốn khác	-	115.687.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>754.340.229.347</b></u>	<u><b>877.332.048.365</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>25.844.720.752</b>	<b>23.853.471.355</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.232.335.347	12.882.908.711
Chi phí lương nhân viên	9.171.939.769	8.015.360.423
Chi phí khấu hao và hao mòn	221.725.329	221.725.331
Khác	3.218.720.307	2.733.476.890
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>21.182.412.122</b>	<b>19.728.054.625</b>
Chi phí lương nhân viên	14.550.276.245	13.798.478.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.892.691.761	2.820.227.972
Chi phí khấu hao và hao mòn	864.762.353	1.061.849.596
Hoàn nhập dự phòng	(1.427.071.291)	(459.006.727)
Khác	4.301.753.054	2.506.504.833
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.027.132.874</u></b>	<b><u>43.581.525.980</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chiết khấu thanh toán	6.125.004.511	3.031.408.354
Lỗi chênh lệch tỷ giá	589.457.003	489.853.686
Chi phí lãi vay	-	374.292.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.714.461.514</u></b>	<b><u>3.895.554.122</u></b>

**24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>154.545.454</b>	<b>8.209.090.909</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	154.545.454	8.209.090.909
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.674.627.287)</b>	<b>(1.645.821.194)</b>
Chi phí thuê đất	(2.626.470.734)	(1.645.821.194)
Chi phí phạt thuế	(48.156.553)	-
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>(2.520.081.833)</u></b>	<b><u>6.563.269.715</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nguyên vật liệu	607.676.434.828	714.806.394.181
Chi phí nhân công	99.339.035.722	98.743.648.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.273.605.846	36.472.677.299
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	25.094.566.370	30.577.112.672
Khác	4.878.960.038	17.381.897.084
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>785.262.602.804</u></b>	<b><u>897.981.730.171</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.628.679.996	4.116.684.921
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(994.762.253)</u>	<u>(871.485.425)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.633.917.743</u></b>	<b><u>3.245.199.496</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>84.087.861.023</u></b>	<b><u>14.666.129.685</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	16.817.572.205	2.933.225.937
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	816.345.538	311.973.559
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>17.633.917.743</u></b>	<b><u>3.245.199.496</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**26.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, và các biến động như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
				VND
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	7.301.316.951	6.776.022.804	525.294.147	329.164.239
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.146.127.800	1.254.640.200	(108.512.400)	(73.564.500)
Chi phí trích trước Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	586.073.051	48.978.084	537.094.967	483.855.434
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	515.698.452	573.873.307	(58.174.855)	119.914.906
Chiết khấu thương mại	223.361.899	223.361.899	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	199.073.009	100.012.615	99.060.394	12.115.346
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>10.152.985.135</b>	<b>9.158.222.882</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>			<b>994.762.253</b>	<b>871.485.425</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUYẾT MINH BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 trong kỳ và như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Dongwons System Corporation	Cổ đông lớn
Minh Viet Packaging Co., Ltd.	Công ty trong cùng Tập đoàn
Dongwons Enterprise Co., Ltd.	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Jang Sung Hak	Chủ tịch HĐQT
Ông Kim Sung Kon	Thành viên HĐQT
Ông Lee Jeongki	Thành viên HĐQT
Ông Song Jongsun	Thành viên HĐQT
Ông Min Seung Hong	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023) và Tổng Giám đốc (bổ nhiệm kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2023)
Ông Koo Jae Young	Thành viên HĐQT (từ nhiệm kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023) và Tổng Giám đốc (từ nhiệm kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2023)
Ông Le Van Nhan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Won Jonghun	Thành viên ban kiểm soát
Ông Cho Hyonwoo	Thành viên ban kiểm soát

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty TNHH MTV Bao bì Minh Việt	Bán nguyên vật liệu	2.848.436.000	5.338.735.399
	Mua nguyên vật liệu	935.221.199	-
	Mượn nguyên vật liệu	399.337.425	-
	Doanh thu gia công	214.307.078	251.468.750
Dongwons System Corporation	Cổ tức công bố và chi trả	19.836.777.000	19.836.777.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư khoản phải trả với bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Bao bì Minh Việt	Bán nguyên vật liệu	<u>226.717.786</u>	<u>4.047.944.920</u>
<b>Phải trả ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Bao bì Minh Việt	Mua nguyên vật liệu	<u>442.518.368</u>	<u>506.357.995</u>

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc như sau:

		VND	
Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Min Seung Hong	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023) và Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2023)	3.465.787.522	-
Ông Koo Jae Youn	Thành viên HĐQT (từ nhiệm kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023) và Tổng Giám đốc (từ nhiệm kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2023)	1.577.441.382	3.446.395.165
Ông Lee Sehoon	Thành viên HĐQT (từ nhiệm kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2022)	-	1.746.961.263
Ông Lee Jeongki	Thành viên HĐQT	<u>1.983.315.570</u>	<u>698.942.890</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u><b>7.026.544.474</b></u>	<u><b>5.892.299.318</b></u>

**28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê nhà theo các hợp đồng thuê hoạt động, với các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	<u>1.148.496.800</u>	<u>808.989.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

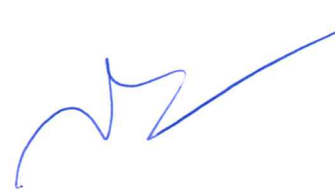
Ngoại tệ:		
- USD	91.606,76	382.710,77

**30. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì nhựa chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất bao bì nhựa dùng cho thực phẩm và hàng tiêu dùng trong một khu vực địa lý. Vì vậy, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng



Lee Jeongki  
Giám đốc Tài chính



Min Seung Hong  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2023